

TRÒ CHUYỆN VỚI NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHIẾN TRANH - VIẾT ĐỂ CHỐNG LẠI SỰ IM LẶNG VÀ QUÊN LÃNG

DIANE FOX

Lưu ý: Bài viết sau đây đã được cho phép in lại với một số chỉnh sửa nhỏ từ tài liệu *Le Viet Nam au Feminin* của Gisele Bousquet và Nora Taylor và cộng sự (Paris: Les Indes Savantes). Trong bối cảnh về mong muốn của những người được coi là bị ảnh hưởng chất độc da cam, việc này thu hút sự quan tâm tới nhiều khía cạnh của những mong muốn đó: hy vọng được trợ giúp về thể chất và tình cảm cho những người con bị nhiễm khi sức khỏe của cha mẹ chúng không còn; hy vọng có ai đó giúp đỡ chia sẻ gánh nặng cho những gia đình này và cộng đồng họ khi họ đã phải gánh chịu một mình trong suốt 20-30 năm; hy vọng về thuốc chữa trị, trợ giúp về vận động và phục hồi chức năng; hy vọng có một khoản vốn vay nhỏ để sửa nhà hoặc đầu tư vào chăn nuôi; hy vọng một mặt được tập huấn kỹ thuật nâng cao thu nhập và mặt khác tạo nên một ý nghĩa đóng góp cho cộng đồng.

Các khía cạnh tinh thần và xã hội của những hy vọng này được nhiều gia đình bày tỏ: một mong mỏi “có thể đóng góp cho xã hội giống như những người khác”, như họ thường nói; một ao ước về những gì họ đang phải chịu đựng được công nhận như một đóng góp hy sinh vì dân tộc mà không phải là một trừng phạt cho những việc làm sai trái; một thỉnh cầu chúng ta lắng nghe và làm cho câu chuyện được mọi người nghe được, viết lên thành những trang sử với tất cả giá trị và sự phức tạp của họ.

Rồi sau đó, những gia đình này mong muốn được cộng đồng nghe thấy, công nhận và giúp đỡ để họ có thể góp phần trong cộng đồng đó. Nhưng đó không phải là tất cả. Nhiều gia đình đã nêu lên mong muốn khác, hy vọng khác: “Trách nhiệm”, như một người đã đặt ra. “Từ trong tiếng Việt là trách nhiệm”. “Trách nhiệm cho những hành động đã thực hiện trong chiến tranh, và

trách nhiệm đối với những người đang phải chịu đựng, tuy nhiên thực hiện trách nhiệm trong vài thập kỷ, cho đến khi không còn sức khỏe.

Thất bại trong trả lời của chúng ta đối với những mong muốn này là nỗi đau của họ, và tình người riêng của chúng ta.

Chị Hồng: *“Tôi đã gặp bạn, một con người - đó là, một người phụ nữ. Mặc dù bạn từ một đất nước khác xa xôi nhưng, tha lỗi cho tôi, bạn vẫn trong cùng hoàn cảnh. Chúng ta đều là phụ nữ, giao tiếp giữa chúng ta dễ dàng, và dễ nói chuyện cởi mở với nhau. Tôi muốn bày tỏ và chia sẻ một số điều ngọt ngào lẫn đắng cay chúng tôi đã nhận được trong quá khứ. Có nỗi đắng cay... như sự khổ cực. Đó là chúng tôi đã đoàn kết dân tộc như thế nào, giành được một tương lai ngọt ngào hơn.... có thể vùng lên, có thể làm chủ trên mảnh đất của mình. Đất nước được thống nhất là nhờ có sự động viên, không sợ của phụ nữ chúng tôi, những người không đơn thuần là chân yếu tay mềm. Chân yếu tay mềm vẫn phải đánh giặc, vẫn phải hiên ngang, vẫn phải tiến bước song hành cùng nam giới”.*

Người phỏng vấn: *“Vâng...ồ... và bạn có nghĩ rằng đây là câu chuyện cần được kể cho tất cả mọi người để họ biết, hay nó nên được quên đi?”*

Chị Hồng: *“Bạn phải kể ra, phải ghi nó thành những trang sử, nó phải trở thành những trang sử của đất nước tôi, của thế hệ chúng tôi, của thế giới, để hiểu về đất nước Việt Nam có những con người - đàn ông cũng như đàn bà, người già cũng như người trẻ - tất cả họ đang sống một cuộc sống như thế này. Trước kia, nó như vậy [như tôi đã kể cho bạn], và bây giờ có những cuộc đời gắng gượng như thế này. Hãy để họ thấy tất cả.”*

Giới thiệu

Những gì chị Hồng mong muốn được viết thành lịch sử là những câu chuyện chị kể cho tôi về cuộc chiến tranh, về những lần ốm của chị, về những gì chị đã học, cũng như “nhiều, nhiều hơn” chị vẫn phải nói. Phòng vấn được trích đoạn cho chương này là một phần: một phần trong các câu chuyện chị Hồng nhớ lại và muốn kể, một phần nhỏ bị hạn chế do những cản trở thời gian, vị trí, phong tục/tập quán, trí nhớ, ngôn ngữ và những mục đích và tác dụng mường tượng về cuộc gặp của chúng tôi. Phòng vấn cũng là là một phần của thể loại khác, phần của một bài viết luận dài hơn sẽ đem đến một bức tranh khảm từ 38 cuộc phỏng vấn như vậy để mang đến những cuộc tranh luận khoa học và chính trị về những ảnh hưởng lâu dài của chiến tranh, và cụ thể về chất da cam, được sử dụng vừa là một chất hoá học vừa là một phép ẩn dụ.

Từ năm 1961-1971, Mỹ đã rải 21 triệu gallon chất diệt cỏ và chất gây rụng lá ở Việt Nam, khoảng 2/3 số đó có chứa chất dioxin¹. “Chất da cam,” biệt danh cho sọc màu da cam được sơn quanh các thùng đựng, trở thành nổi tiếng nhất trong các chất hoá học; tên của nó thỉnh thoảng nhằm để tham khảo về mặt gen cho tất cả các chất hoá học được sử dụng. Tính toán về sự huỷ diệt môi trường là rất khác nhau, nhưng một con số phổ biến được biết đến là khoảng 5 triệu mẫu bị rụng lá, với nửa mẫu đất trồng trọt nữa bị phá huỷ. Ủy ban các học giả châu Á quan tâm đã trích dẫn các số liệu của lực lượng không quân cho biết đến năm 1969, gần 10% tất cả các loại đất hoa màu đã bị rải. Các nguồn khác nhau cũng công bố con số từ 33% đến 50% đất rừng đã từng bị rải hơn một lần. Các số liệu thống kê

của lực lượng không quân ghi lại 36% mặt nước mặn đã bị phá huỷ (để thảo luận, xem Buckingham 1982, Cecil 1986, Harnly 1988, Lewy 1978, Stellman 2003, Võ Quý 1992, Westing 1984, Young 1988).

Các số liệu thống kê về tác hại đối với sức khoẻ con người thậm chí còn khủng khiếp hơn, những con số đã chết, những con số những người vẫn tiếp tục được sinh ra, thời gian dai dẳng phát triển một số các bệnh, quá trình tiếp theo và dai dẳng đối với nhóm dân cư bị nhiễm, sự biến đổi các chất hoá học trong đất và nước và qua các dây chuyền sinh vật², và thiếu sự thống nhất về các bệnh và điều kiện có thể liên quan với các chất hoá học được sử dụng và chất không mong muốn, chất dioxin. Tuy nhiên, bằng chứng tiếp tục được thu thập từ các nghiên cứu dioxin và hàng trăm các nghiên cứu đối với các cựu chiến binh Mỹ và các nhóm dân số khác: Hiện nay Viện Y tế quốc gia đã chỉ ra tên 10 bệnh, hoặc một tập hợp các bệnh, và hai dạng khuyết tật bẩm sinh có thể liên quan đến phơi nhiễm của các chất hoá học được sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam: ung thư tổ chức phần mềm, bệnh hodgkins, bệnh đa u tuỷ, u lymphô ác tính (non – nodgkins lymphoma), bệnh thần kinh ngoại vi cấp và bán cấp tính, bệnh nhiễm porphyrin – da chậm, ung thư tiền liệt tuyến, ung thư đường hô hấp, ung thư tổ chức phần mềm, tiểu đường tuýp 2, tật gai đôi, ở con của những cựu chiến binh nữ và các dạng khiếm khuyết khác.

² Xem lại công việc gần đây của Stellman về những biểu hiện. Dựa vào tỉ lệ tập trung theo xóm được điều phối do nhiệm vụ rải, ít nhất là 2,1 triệu nhưng có lẽ khoảng 4,8 triệu người có mặt trong lúc đang rải ở 3181 thôn xóm. Đối với 1430 thôn, xóm đã bị rải khác, không thể ước lượng dân số lúc đó. Những con số này là không bao gồm những người có thể bị nhiễm từ những thùng đã bỏ đi, từ những kho khảm cấp tạm thời, hoặc từ những khu vực bị rải thuộc vành đai các căn cứ quân sự, rải do các tàu hải quân thực hiện, từ máy bay trực thăng thực hiện, hoặc do Việt Nam cộng hoà, hoặc lại từ sự thay đổi các chất hoá học ở những nơi đã bị rải. (Tại thời điểm rải, dân số của khu vực bị rải, được biết sau này ở miền Nam Việt Nam là 17 triệu người).

¹ Những con số này phản ánh những kết quả mới của một nhóm đặc nhiệm trực thuộc Viện khoa học quốc gia Hoa Kỳ đã đính chính số ước lượng tăng hơn 10%, dựa vào việc tiếp cận các dữ liệu đầy đủ hơn. Nghiên cứu cũng ước lượng một cách dễ dặt rằng số lượng TCDD ít nhất là gấp đôi so với trước đây vẫn nghĩ, hoặc là 366 kg. Các con số này chỉ đề cập đến các chất hoá học được rải từ máy bay (cánh cố định) – xem chú thích 2. (Stellman, 2003)

Giám đốc khoa chất độc học thử nghiệm tại Cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ đã đặt tên TCDD, dạng của dioxin đã được sản xuất không chủ ý như một sản phẩm từ quá trình sản xuất chất da cam và các chất hoá học cụ thể khác đã được sử dụng trong chiến tranh, gây ra một số tác hại đối với con người như sau: Bệnh tim mạch, tiểu đường, bệnh nhiễm porphyrin, bệnh lạc màng trong tử cung, giảm kích thích tố sinh dục nam, ung thư tổ chức phần mềm, ảnh hưởng tới sự phát triển của tuyến giáp, tình trạng miễn dịch, các vấn đề về thần kinh, nhận thức, răng; và tỉ lệ giới tính bị thay đổi [Birnbbaum 2002]

Trong khi các tranh cãi khoa học tiếp tục diễn ra với nhiều kết luận này, thông thường việc sử dụng “chất da cam” cũng mang các ý nghĩa khác, ở những thời điểm đặt tên cho một bệnh, hoặc một cách nói ẩn dụ về những hậu quả của chiến tranh³, hoặc là sự vô trách nhiệm của chính phủ. Năm 2002, tại hội nghị khoa học lần thứ nhất do chính phủ Việt Nam và Mỹ đồng tổ chức, về những hậu quả chất da cam, đại sứ Mỹ đã gọi chứng bệnh của chất da cam là “điều ám ảnh có ý nghĩa” đọng lại từ chiến tranh, trong khi đó thứ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã gọi đó là “cuộc chiến tranh hoá học”.

Các phỏng vấn

Mùa xuân năm 2000 và 2001, tôi đã thực hiện 38 phỏng vấn với những phụ nữ và gia đình ở 12 làng và 3 thị trấn/thị xã ở miền Bắc, miền Trung

³ Tính huỷ diệt của chất da cam là có nhưng cũng huỷ diệt một phần nhỏ đối với cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội của Việt Nam. Ví dụ: khoảng 15 đến 29 triệu hố bom* lỗ chỗ khắp đất nước, bằng hơn nửa diện tích nửa nước Pháp. Đến năm 1998, 38.000 người đã bị chết kể từ khi kết thúc chiến tranh do dụng phải bom đạn còn sót lại, và mỗi tháng con số thương vong tiếp tục tăng lên. Cầu cống, đường xá, đường tàu, bệnh viện và các trường học đã bị ném bom; nhiều thành phố và hàng trăm làng mạc đã bị san bằng hoàn toàn; hàng triệu người tị nạn bên ngoài, với rất nhiều người đã bị ép vào các trại được biết như những cái tên như là “các xóm/ấp chiến lược”. Nhiều việc hơn nữa cần thiết để tập hợp kết quả chính xác của sự tàn phá, ở chừng mực có thể. (* 15 triệu là con số ước chừng nếu tính riêng đối với cuộc chiến tranh với Mỹ; 29 triệu nếu bao gồm cả cuộc chiến với Pháp).

và miền Nam của Việt Nam. Với một ngoại lệ, những phụ nữ đã được phỏng vấn đều là mẹ có con bị khuyết tật. Nhiều người trong số họ cũng có chồng bị tàn tật ở nhiều mức độ khác nhau; một số trường hợp, chính bản thân người phụ nữ, họ cũng bị tàn tật. Năm phụ nữ là chủ của hộ gia đình không có người chồng; một phụ nữ sống đơn thân. Một số phụ nữ đã chiến đấu vì một cuộc cách mạng; một số đã tham gia Thanh niên xung phong; một số là vợ của lính chiến đấu cho chế độ Sài Gòn; một số có đất trống trong các vùng kinh tế mới; và một số đã giúp đỡ xây dựng lại các căn nhà trong làng và thị trấn do bị san phẳng và bị bỏ trong nhiều năm trong thời kỳ chiến tranh. Có những người 31 năm sống ở các thôn/làng và có người khác là 7 tuổi sống ở các trung tâm của tỉnh.

Ba mươi phỏng vấn đã được thực hiện tại các tỉnh Hà Nam, Thừa Thiên Huế và Đống Nai, với sự giúp đỡ của Hội Chữ Thập đỏ (CTĐ) Việt Nam và Hiệp hội CTD quốc tế, để chuẩn bị cho một chương trình “người nghèo khuyết tật, bao gồm cả những người được cho là bị nhiễm chất độc da cam”. Tám phỏng vấn đầu tiên đã được thực hiện nhờ có sự giúp đỡ của Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em tỉnh Thái Bình.

Năm chủ đề rộng đã được nêu lên với những người được phỏng vấn để tìm hiểu: Tình trạng gia đình (sức khoẻ, kinh tế); những trải nghiệm chiến tranh (bao gồm phơi nhiễm có thể liên quan đến chất da cam); những trợ giúp họ đã nhận được; những trợ giúp có ích với họ; và những phản ánh hoặc những vấn đề họ muốn truyền đạt qua tôi tới khán giả quốc tế. Chiều sâu của cuộc thảo luận phụ thuộc vào ngầm hiểu của tôi về sự cởi mở và nhiệt tình muốn nói của gia đình, và về những hạn chế thời gian. Một số gia đình đã tự nguyện cung cấp các hồ sơ sức khoẻ để khẳng định ý kiến của họ. Đối với hầu hết những khẳng định này cũng được cung cấp từ các cán bộ y tế đi cùng với tôi. Điều quan trọng đối với tôi là tự kể chuyện, tự kể chuyện có lựa chọn 25 năm sau khi kết thúc chiến tranh để kể lại cho một người Mỹ mà một số người được phỏng vấn đã nhầm tôi là một đại diện của chính phủ Mỹ.

Tôi đã bị thôi thúc bắt đầu công việc này từ cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên trên đường phố Thành phố Huế, một thành phố của vẻ đẹp cao quý và bi kịch lớn ở miền Trung Việt Nam. Một ngày trong năm 1997, khi tôi đang đứng nói chuyện với một trong những sinh viên của mình, tôi nhận được một cú đấm bất ngờ vào vai tôi. “Tại sao”, người đối thoại với tôi nói thách thức về phía tôi. “Chính phủ của bà không làm gì để giúp đỡ những người bị họ gây đau đớn trong chiến tranh?”. Người phụ nữ này đang nghĩ cụ thể về những người vẫn đang chịu đau đớn do tác hại của chất da cam, bà ấy nói. Trong suốt 7 năm qua tôi đã sống và làm việc bán thời gian ở Việt Nam, với hầu hết các đồng nghiệp Việt Nam; cuộc đụng độ này là duy nhất, và điều này đã phản ánh ngược lại với những kết luận đơn giản mà tôi từng nghe dành cho những người Mỹ đến thăm quan về tính dịu dàng của phụ nữ Việt Nam và không có sự oán thù đối với Mỹ. Như một phản hồi đầu tiên, tôi đã phỏng vấn một bác sĩ ở Trường Đại học Y khoa Huế, người đang làm nghiên cứu về ảnh hưởng của chất da cam đối với dị tật bẩm sinh và đã viết câu chuyện chuyên mục cho tờ Tin tức Việt Nam (Việt Nam News), dựa vào những gì bác sĩ đã kể cho tôi và vào những chuyến thăm tới các gia đình.

Lúc đầu, tôi rất lưỡng lự thực hiện công việc này, không muốn khuấy động lại những ký ức đau đớn hoặc nêu lên những hy vọng sai trái. Các bác sĩ Việt Nam và các cán bộ hoạt động xã hội mà tôi đã gặp đều nói với tôi rằng hầu hết mọi người đều tha thiết muốn nói dài hơn thời gian chúng tôi có để nghe họ. Hoá ra họ đã đúng: Lập đi lập lại nhiều lần, tôi được mọi người cảm ơn vì những cuộc viếng thăm của tôi khi tôi xin lỗi vì chỉ có những món quà rất nhỏ để sẻ chia, đó là sự quan tâm và công nhận tôi dành cho họ – sự quan tâm và công nhận của người Mỹ – đã là những món quà quý giá về mặt tinh thần, như là một dược sĩ đã đưa ra. Tôi đã trân trọng bình luận này trong một thời gian dài. Sau đó, chỉ khi tôi làm việc với những bản dịch của các giải băng, và rồi một chủ đề khác cũng trở nên rất rõ: “Chúng tôi không cần sự tôn trọng của các bạn,”

như ý kiến của một nam giới. “Chúng tôi cần sự giúp đỡ”.

Tôi đã nghĩ lại về sự lưỡng lự của tôi là không đúng lúc, hoặc thậm chí là một công cụ giúp gắn kết những khoảng cách không thoải mái giữa thế giới của chúng ta, giúp che lấp sự bất cân bằng giữa quyền lực và sự đặc quyền. Các gia đình là những phần rõ ràng và dễ chịu nhất để được nghe đến. (xem Farmer 1997, Asad 1986, Ong 1995, Patai 1991, Abu-Lughod 1991.)

Trong nghiên cứu này, phỏng vấn đã trích đoạn ở đây nhằm nêu bật các cách người phụ nữ mô tả những hậu quả của chiến tranh còn đeo đẳng trong cuộc sống hậu chiến của họ. Mặc dù tôi đã cố điều chỉnh phỏng vấn để mạch lạc hơn, nhưng tôi cố gắng giữ trung thành với sự trầm ngâm, thỉnh thoảng là sự tạm ngừng và sự lặp lại của cuộc đối thoại vì nó phản ánh những bước thăm dò của chúng tôi để hiểu nhau.

Tôi đã gặp bà Hồng tại nhà của bà ở Biên Hoà, một thành phố công nghiệp đang phát rất nhanh nằm dọc sông Đồng Nai từ phía Sài Gòn, hay còn gọi là Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đây, Biên Hoà đã từng là một khu vực căn cứ quân sự lớn của Pháp và sau đó trở thành một căn cứ Không quân Hoa Kỳ, một trong những trung tâm thực hiện chiến dịch “Ranch Hand”, chịu trách nhiệm rải các chất hoá học diệt rừng từ năm 1962 đến 1971. Căn cứ là khu vực của một khối lượng lớn các chất hoá học mà các nhà nghiên cứu đang điều tra như một nguồn có thể của tỷ lệ các bệnh ung thư đang gia tăng, các rối loạn thần kinh và dị tật bẩm sinh ở khu vực xung

⁴ Lúc đầu được biết với tên “Operation Hades”, nhưng không lâu sau tên của chương trình được đổi thành “Ranch Hand”; đó là dấu hiệu gọi từ đầu phát thanh, “Cowboy” và sau đó được đổi thành “Hades”. Những người tham gia vào chương trình này có những nhiệm vụ bay thấp và chậm để có thể tìm ra các đối tượng cụ thể được biết là rất anh dũng và hiền ngang. Phương châm của nhóm là “Bản chỉ có thể ngăn chặn các khu rừng” – một vở kịch hài hước về khẩu hiệu chống cháy rừng của Mỹ.

quanh một hồ chứa nước mưa đọng lại từ các bể mặt⁵.

Nhà bà Hồng nằm cách xa một trong những con đường huyết mạch chính đông đúc của thành phố, dọc theo một lối giữa 2 cửa hàng, đằng sau là một dãy nhà tường xi măng, mái lợp tấm hợp kim. Chúng tôi ngồi trên một đi văng nhựa và các ghế đặt bên cạnh một mặt bàn kính đơn giản và to gấp đôi bàn thờ. Một chiếc đàn tam thập lục 16 giây được treo ở một góc phòng, phía trên là một bàn thờ thứ hai được đặt ở sàn nhà. Một chiếc ấm pha trà màu trắng và một bộ tách, được trang trí với một hình vẽ hoa hồng, được đặt ở một cái bàn thấp là trang bị đồ đạc chính khác của căn phòng. Từ cuộc trò chuyện của chúng tôi, bà Hồng và tôi nhận ra chúng tôi cùng tuổi nhau, cùng có những đứa con đầu lòng, con gái, sinh ra cùng năm – những tương đồng đã gắn kết chúng tôi lại.

“Bạn muốn biết về tình hình gia đình tôi, về cuộc đời của chúng tôi, về sự thật – Tại sao chúng tôi vẫn trong tình trạng này,” bà Hồng bắt đầu. “Để tôi nhắc lại cho bạn, ở Việt Nam, người Việt Nam đã trải qua rất nhiều cuộc chiến tranh – và vì thế gia đình tôi...cuộc sống của gia đình tôi vô cùng khó khăn. Chúng tôi đã chiến đấu và sống trên mảnh đất này, đó là quê hương chúng tôi []. Từ thế hệ cha ông chúng tôi cho đến bản thân tôi, tất cả chúng tôi đã tham gia vào... (“bảo vệ tổ quốc” bác sĩ Hội CTĐ xen vào đoạn ngập ngừng⁶)... bảo vệ tổ quốc. Đó là...từ thế hệ của bố tôi, từ thế hệ của mẹ tôi và sau đó là thế hệ

của các anh trai, chị gái tôi, tất cả họ, cả gia đình đã tham gia bảo vệ tổ quốc.

“Cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc đã ảnh hưởng tới chính bản thân tôi, và cuối cùng tôi bị ốm đau; gia đình riêng của tôi là một trong những gia đình tàn tật và đây là do hậu quả của chiến tranh. Ví dụ, bố chồng tôi bị đau và ăn không ngon miệng và bị liệt, và tất cả các em tôi đã chết vì bệnh tật – tất cả. Chỉ còn mình tôi còn sống, đang sống ở đây...và đó là nhờ có sự giúp đỡ, sự quan tâm, và sự chăm sóc của Đảng và Nhà nước và của mọi người...nếu không thì tôi đã chết từ lâu.

“Vào khoảng năm 92, có một chương trình y tế và sau khi kiểm tra tôi phát hiện là mình đã bị những căn bệnh nội tạng. Thế đấy, bệnh đầu tiên được phát hiện là gan của tôi...chính phủ tôi đã chăm sóc tôi và rồi những biến chứng vào lá lách của tôi – nó bị sưng, bị nhiễm và cuối cùng là người ta đã cắt bỏ nó.” Sau đó bà bị loét dạ dày, viêm cột sống, rồi tiếp đến các ảnh hưởng về toàn bộ đường hô hấp, huyết áp cao, và một căn bệnh gây cho các ngón chân bà thỉnh thoảng lại nhợt nhạt. Một tai của bà không còn khả năng nghe do ảnh hưởng của tiếng nổ của bom và pháo, và bây giờ thị lực của bà rất mờ mờ. “Vì điều kiện cơ thể của tôi,” bà tiếp tục nói, “nó là như vậy. Hàng tháng tôi phải đi bệnh viện điều trị, hàng tháng, và mua thuốc. Tình trạng sức khoẻ của tôi như vậy đấy.”

“Còn về điều kiện kinh tế của tôi... Tôi sẽ giải thích cho bạn như thế này. Ngày trước tôi làm việc cho chính phủ. Và rồi những khuyết tật của chúng tôi làm cho chúng tôi phải nghỉ hưu và sống ở nhà dựa vào lương hưu. Tôi đã mất cánh tay, nhưng tôi vẫn phải cố gắng thuê và khâu, và bán một vài thứ lặt vặt. Chúng tôi làm tất cả những việc có thể để kiếm sống. Nếu chúng tôi muốn sống, chúng tôi phải tự chăm sóc bản thân. “Đấy,” bà nói, hướng về phía chồng bà, “cho bà ấy xem những gì tôi làm để bán.” Ông ấy mang ra một cái rổ đựng các mảnh vải sáng màu. “Tôi nối những mảnh vụn này với nhau để làm nguyên liệu làm một màn che hoặc một mền chăn... làm các đồ trang trí. “Và,” bà tiếp tục,

⁵ Theo tóm tắt của Hội CTĐ quận Biên Hoà nơi có cái hồ này, tỷ lệ mắc bệnh ung thư cao hơn 49 lần so với huyện có tỷ lệ ung thư ít nhất tỉnh. Tôi không có cách nào để khẳng định ý kiến này, nhưng thông tin này chắc chắn nêu lên sự cần thiết phải nghiên cứu.

⁶ Cuộc chiến tranh này thường được hàm ý như “một cuộc chiến tranh chống lại người Mỹ để giành lại đất nước”. Những bày tỏ tế nhị của bà Hồng sau này nhằm vào những gì bà hình dung có thể là những cảm giác của tôi vì là một người Mỹ, một khả năng là sự ngập ngừng của bà là xuất phát từ một sự bất đắc dĩ tạo ra khó chịu. Nó cũng chỉ ra sự khó khăn trong việc tìm ra một tiếng nói chung. Những ngập ngừng về ngôn ngữ như vậy cũng có thể có giá trị cho chính nghiên cứu.

"Tôi vẫn không có một nơi cố định để sống, chúng tôi vẫn đang thuê. Ở những nơi giá thấp nhất, chúng tôi chuyển đến nơi có giá thuê nhà thấp nhất. Chúng tôi chạy từ chỗ này đến chỗ khác: ở đâu thấy giá thấp, chúng tôi lại chuyển tới đó."

Khi tôi hỏi bà ấy có bao nhiêu người con, bà nói "Nhiều, nếu bạn đang nói về các lần mang thai." Nhưng chỉ có bốn con còn sống, tất cả là con gái. Đứa con đầu tiên được sinh năm 1970, trong rừng rậm, trong vùng chiến. Đứa thứ hai sinh năm 1976, đang ốm yếu. Người con này chỉ có thể làm việc một lúc và sau đó là kiệt sức: mỗi lần đi kiểm tra sức khoẻ, cô con gái này luôn bị sốt cao. Đứa con gái thứ ba của bà được sinh năm 1979 bị tim bẩm sinh. Con gái thứ tư sinh năm 1984 bị đau đầu do chứng rối loạn thần kinh. "Khi trời nóng và sáng sủa như thế này," bà Hồng giải thích, "nó không thể làm được việc gì."

"Tha lỗi cho tôi," tôi nói, "nhưng bà bị mất cánh tay như thế nào? có phải do chiến tranh?"

"Cánh tay này là vì năm 19... 1971, tôi ra ngoài..." bà Hồng ngập ngừng. "Xin lỗi - tôi có thể dùng từ "quân Mỹ"? - và tôi bị bọn Mỹ bắn... văng... và đã bị thương. Tôi là một thương binh của Việt Nam, một cựu chiến binh và một thương binh của Việt Nam. Tôi đi làm nhiệm vụ và bọn Mỹ đã bắn tôi; chúng bắn, và bây giờ tôi trở thành một thương binh của Việt Nam."

"Khi bà bị... khi bà bị thương như thế này...." tôi hỏi, "bà đã tìm sức mạnh ở đâu để vượt qua?"

"Nói chung, trong cuộc sống bạn phải có cái gì đó để tin tưởng..." bà ấy đáp lại. "Đó là, tôi... tôi vẫn có tổ quốc tôi, vẫn, vẫn có đất nước tôi, vẫn có chính phủ tôi, vẫn có quê hương tôi, cha mẹ tôi, tổ tiên của tôi, các con của tôi, bạn bè, đồng chí của tôi - Tôi phải tự vươn lên, cố gắng, khắc phục... có nghĩa là, khắc phục tất cả sự tàn tật, cố gắng chiến đấu để vượt lên chính mình để tạo dựng cho cuộc sống của mình, tôi không thể chỉ phụ thuộc vào người khác, mà chính bản thân tôi phải cố gắng. Nói chung, đó là những gì chiến tranh đem lại - trong chiến tranh, bản thân tôi phải chiến đấu, và đối với ốm đau bệnh tật,

bản thân tôi phải có ý chí, nhờ có một niềm tin, một niềm tin vào tổ quốc tôi. Tôi phải cố gắng vượt qua... Ví dụ, tôi phải tự nghĩ để sắp xếp mọi việc cho tốt. Vì tôi vẫn có một gia đình, có các con tôi, có tất cả bạn bè của tôi. Tôi không thể nói "Ồi, tôi như thế này, vì bệnh tật của tôi, dù tình trạng có như thế nào, nên tôi phải chịu, phải cam chịu." Không, tôi có trái tim vững vàng, kiên định. Không ít thì nhiều".

"Với một người bình thường như bạn, với hai đôi bàn tay, và rồi một cách tự nhiên, khi bạn mất một cánh tay thì bạn phải luyện tập cả quá trình. Ví dụ, lau lăm rồi, tôi không thể cầm một bát và đôi đũa, nhưng bây giờ tôi có thể nhấc một cái bát như thế này và ăn giống mọi người khác. Ví dụ khác, khi tôi không thể cầm một cái kim, tôi đã cố gắng luyện tập để có thể dùng cái gì đó để cầm nó. Đó là [một quá trình của] tự biến đổi."

"Và chương trình [Hội CTD] này," tôi hỏi, "chương trình này giúp đỡ như thế nào?"

"Ồ... nói chung, nếu bạn nói về một nhu cầu, rồi tôi [] nhiều thứ," bà Hồng bắt đầu, "nhưng ở đây tôi đang nói về tinh thần của chương trình này - là phải là trách nhiệm. Nếu thực sự có những hình thức để giúp đỡ tôi ổn định cuộc sống, thì đó là, hỗ trợ tôi như thế nào đó để tôi có thể có thuốc, để đảm bảo sức khoẻ, và để cải thiện cuộc sống của tôi một chút, để trong xã hội, trong công đồng, tôi có thể cảm thấy thoải mái - tôi nói ý là, vui vẻ sống trong cộng đồng."

"Và như vậy" tôi nói, không chắc chắn là chúng tôi đã giành mất bao nhiêu thời gian của bà, "Tôi rất cảm ơn bà vì tất cả mà bà... bà đã giúp chúng tôi hiểu và biết. Bà có muốn nói thêm điều gì không?"

"Có, ó... chỉ có điều này nhiều là tất cả: Chúng tôi những người Việt Nam, nói rất thật và thẳng thắn - đôi khi rất dễ làm tổn thương những tình cảm nhưng nó là điều cần thiết phải nói sự thật như nó thế nào. Những hoàn cảnh của chiến tranh là như vậy, nên bây giờ chúng tôi mới có những cái như thế này. Chính vì vậy, một mặt tôi cố gắng, và mặt khác - nói chung thì... thì tất cả các nước gây nên chiến tranh - họ phải có trách

nhệm, họ phải hỗ trợ và giúp đỡ để người dân của chúng tôi có thể, sau khi có hoà bình, phát triển với cộng đồng để giảm bớt bệnh tật, vết thương và những mất mát, để chia sẻ với chúng tôi. Tôi đang nói rất thật và thẳng thắn, và tôi hy vọng bạn sẽ hiểu... Và tôi cũng sợ... rất dễ xúc phạm.”

“Tôi nghĩ bạn phải nói thẳng thắn để những ai nghe được có thể có cảm thông và nhận thức được,” tôi nói với bà. Tôi cảm ơn bà đã nói với chúng tôi và hỏi xem có ai muốn thêm gì không.

Bác sĩ từ Hội CTĐ muốn hỏi về chiến tranh. “Bà đã ở trong rừng, rồi.... trước đó, trong rừng....?”

Bà Hồng trả lời, “Vâng.. tôi đi kháng chiến trong rừng.... tham gia lực lượng kháng chiến khi tôi còn rất trẻ. Cha tôi cũng tham gia kháng chiến, và mẹ tôi cũng đi chiến đấu....”

“Ngoài súng đạn và bom, còn có cái gì khác không?”, người bác sĩ hỏi.

“Có, ôi, có các chất độc hoá học họ đã rải,” bà ấy đáp lại. “Ví dụ, vào năm đó, năm 64, năm của chiến dịch rải dầu tiên.... nó giống như không còn một cái lá nào, không còn một cái lá của một cây, tất cả đều rụng hết. Đó là như vậy đấy. Ngày đầu tiên chúng tôi bị tiếp xúc chúng tôi nghĩ đó là sương mù, nhưng sau này người ta cho biết đó là một loại chất độc gây tác hại.

“Đó là cuộc chiến khu D, đúng rồi.... tôi không biết bây giờ thì gọi thế nào. Ngày trước nó được gọi là Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Bây giờ nó đã được gây rừng trở lại.... rừng ven biển của tỉnh Đồng Nai, nhưng rồi nó vẫn chỉ là một khu đất không sử dụng được, không giống như bây giờ... Nó là khu vực phía đông bắc tỉnh Đồng Nai. Tôi nhớ đó là năm 64. Năm 64 là năm là chúng tôi bắt đầu bị máy bay B52 oanh tạc, thời kỳ oanh tạc khủng khiếp nhất. Năm đầu tiên là năm 63, 64, 65, hàng loạt máy bay B52 rải các loại bom bi, bom lớn và [bom đĩa] – tất cả đều đổ xuống khu vực đó, quá nhiều đến nỗi không còn một cái lá. Thực vật, cây cối trở thành hỗn độn... tất cả lá cây bị rụng hết. Và tôi nhớ là các con vật không còn một chỗ nào để sống. Những con khi

và chim không còn chỗ để trú ngụ. Tất cả lá cây của các cánh rừng đều bị rụng sạch sẽ.

Tôi hỏi bà ấy đã sống ở khu vực đó bao lâu.

“Ồ ... tôi tham gia từ năm 1961 khi xây dựng lại, cho đến ngày giải phóng... đến tận 1975. Tôi đã sống ngay ở đó trong suốt quãng thời gian,” bà nhớ lại. “tôi sống ngay ở đó”.

Từ nhà ở Long An, bà đến đó lúc mới 16 tuổi, cùng với cha mẹ mình. “Một vùng đất trồng lúa ở tỉnh Long An,” bà gọi như vậy, “một vùng trồng lúa. Và vì chiến tranh tôi đã đến thành phố, theo cách mạng, tham gia cách mạng- ở tuổi 16! 16 tuổi và tôi đã đi rồi... cả gia đình... các anh, chị em tôi, tất cả....”

Tôi lại cảm ơn bà và hỏi lại xem ai có câu hỏi gì thêm.

Lúc đó bà hỏi bác sĩ Hội CTĐ nếu tôi muốn biết về vùng kháng chiến.

Thay vì một câu trả lời, bác sĩ hỏi các bạn trong chiến tranh của bà bây giờ có bị bệnh tật giống như các con bà.

“Ôi, tất cả họ đã trở lại, mỗi người tàn tật, ai biết được ở đâu”, bà trả lời, “nhưng hầu hết đang ở ngay đây, tại thành phố này. Tôi có thể đếm trên đầu ngón tay nhiều, nhiều người bị các chứng bệnh nặng giống như thế này, cũng giống như thế này. Có những người như thế ở mỗi cơ quan, nơi làm việc này, nơi làm việc kia. Nhưng thời gian đầu giải phóng [những người khác?] đã trở lại vào năm 1975 họ đã đi hết rồi, mỗi người mỗi nơi. Làm sao mà tôi biết được những bệnh nào họ vẫn có?”

Bác sĩ Hội CTĐ đàm chiêu: “Trong thời kỳ chiến tranh bà không biết gì về những vấn đề, mà chỉ vừa mới biết được.”

“Vâng” bà đáp lại. “Chúng tôi không biết gì hết, chỉ nghĩ đó là sương mù, và sau này, với những trải nghiệm và với đất nước của chúng tôi, với những giải thích của chính phủ chúng tôi, chính phủ Việt Nam đã giúp chúng tôi hiểu đó là chất độc thảm khốc, các chất độc hại chưa được các chất độc hoá học mà đất nước phải gánh chịu khi Mỹ đem đến rải trong chiến tranh ở Việt

Nam – họ đã giúp chúng tôi biết được như vậy để chúng tôi có thể bảo vệ bản thân. Nhưng làm thế nào để chúng tôi có thể bảo vệ bản thân hoàn toàn trong những điều kiện sơ đẳng như vậy. – với những mảnh vải, những chiếc khăn tay nhỏ? Chúng làm sao mà che chắn, bảo vệ chúng tôi được? Với những chất độc hại đó! Nhưng chúng tôi vẫn chiến đấu và càng chiến đấu, chúng tôi càng thấy ít mệt mỏi hơn.

“Có một người bạn... tôi sẽ kể cho bạn câu chuyện của cô ấy,” và đến đây bà Hồng chuyển cuộc trò chuyện sang một hướng khác, nói chuyện hăng say và có cảm hứng làm cho tôi rất khó theo kịp. “Tôi có một người bạn đã bị quân Mỹ bắt và cho lên một máy bay trực thăng và trả lại khi đã chết. Cô ấy bị quân Mỹ bắt và cho lên một máy bay trực thăng, rồi thay nhau hãm hiếp cô ấy cho đến chết. Tôi nghĩ suốt về chuyện này... suốt thời gian – sẽ luôn luôn nhớ. Nỗi đau thiêu cháy trái tim tôi. Nó làm tăng sức lực của tôi để cố gắng, làm tăng sức mạnh để chiến đấu. Và sau đó, tôi vẫn luôn luôn nhớ... nhớ điệu cười của cô ấy, nhớ dáng đi của cô ấy, nhớ rằng chúng tôi đã ngủ chung, cùng nhau chiến đấu, sống cùng nhau, chia sẻ niềm vui, ngọt ngào với nhau. Cô ấy đầy tình yêu cuộc sống, và người con gái trẻ ấy cũng đẹp, duyên dáng. Tên cô ấy là Hồng Sinh. Cô ấy là phóng viên làm việc ở Quảng Bình. Chúng tôi lấy cô ấy... chúng tôi lấy cô ấy rồi cho lên máy bay trực thăng”.

Lúc đầu tôi không hiểu tất cả những gì bà Hồng nói, và xin lỗi, biết rằng những phản ứng của tôi không tương xứng với sự xúc động của câu chuyện của bà. Tôi đã giải thích rằng tôi có thể hiểu cô ấy rất đáng thương, nhưng không thể hiểu tất cả. Bác sĩ Hội CTĐ đã nhắc lại câu chuyện theo một cách đơn giản hơn và sau đó tất cả chúng tôi ngồi im lặng một lúc.

“Còn nhiều nữa... còn nhiều nữa, và vẫn còn nhiều,” bà Hồng lại tiếp tục. “Ồi! tôi kể cho bạn, bạn sẽ không bao giờ có thể chịu đựng được đối với tất cả nỗi đau và sự mất mát mà người Việt Nam đã trải qua sau nhiều cuộc chiến tranh. Vẫn còn nhiều nữa, nhiều nữa.” Ở đây bà đã kể cho tôi mà chúng tôi có thể hiểu nhau vì chúng tôi là phụ nữ và tôi phải trở lại và viết lại những gì bà

đã kể cho tôi nghe, viết nó thành lịch sử. Bà nói về tất cả những gánh nặng người phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu và nói rằng bà không thể làm điều đó hơn – rằng sức lực của bà đã dùng hết – “nó đã héo khô và trở thành tro tàn.”

Thế rồi, bà hỏi chúng tôi, “Tất cả các bạn có gì hỏi nữa không? có gì nữa không?”

“Ồ,” tôi đáp lại, “Vẫn còn nữa – chúng tôi có thể ở lại nhiều ngày, nhiều tuần, nhiều tháng để hỏi nhiều. Nhưng đã đến lúc chúng tôi phải nói lời tạm biệt”.

“Thôi được,” bà nói. “Nhưng dù chúng ta nói tạm biệt ở đây, tôi nghĩ khi bạn ở đây hay khi bạn trở về đất nước bạn – về phía bạn tôi nghĩ bạn chắc chắn sẽ nhớ chúng tôi, những người phụ nữ Việt Nam. Và tôi hy vọng rằng tình cảm này là một... một mối quan hệ. Chúng ta có thể thông cảm cho nhau...tôi hy vọng chúng ta sẽ luôn nhớ và tôn trọng nhau. Mặc dù bạn là một người từ một đất nước xa xôi, một đất nước đã gây nhiều mất mát cho chúng tôi - đó không phải là lý do để mất tình bạn. Bà có đồng ý không? Người Việt Nam có cái này [câu nói]: ‘Thêm một người bạn, bớt một kẻ thù.’ Thời gian chiến tranh đã qua đi, nên bây giờ chúng ta có thể là những người bạn với nhau.”

“Tôi nghĩ rằng ở Mỹ, cuộc chiến là một vấn đề của chính phủ, không phải là người dân,” tôi đáp lại. “Tôi nghĩ những người dân thường có thể có sự thông cảm và hiểu nhau và cùng nhau xây dựng một tương lai khác.”

“Bà đang nói gì,” bà diễn giải, “đó là chính sách của chính phủ Mỹ không phải là lý tưởng của mỗi cá nhân sống trên đất Mỹ, đó không phải là mọi người cùng chia sẻ những ý kiến đó. Họ cũng muốn có hoà bình, thực sự muốn ở được bình yên, không muốn có chiến tranh.”

“Đúng vậy,” tôi đáp lại. “Khi bà ở trong rừng, tôi thì ở trên những đường phố, đang phản đối.”

Bác sĩ Hội CTĐ ngầm nghĩ: “à... à... phản đối chiến tranh...”

Bà Hồng lật đi lật lại cụm từ: “Xuong đường, xuong đường. Có một người xuong đường kể cả

ở Mỹ, thậm chí xuống đường, thậm chí xuống đường, thậm chí đã phản đối chiến tranh ở Việt Nam.”

“Khập nơi có những người đàn thường,” bác sĩ nhân xét.

Tôi giải thích rằng khi đó tôi là một sinh viên, và có rất nhiều sinh viên đã phản đối.

Người bác sĩ, xấp xỉ tuổi chúng tôi, trăm năm: “Quá lâu... nó kéo dài quá lâu – từ năm 1954 đến 1975 – kéo dài vô tận. Thậm chí một ngày đã quá đủ nguy hiểm, nhưng bao nhiêu năm... một ngày đã quá đủ để chịu đựng.”

Chúng tôi lái yên lặng một lúc. Thế rồi tôi

nhắc lại lời cảm ơn và thay mặt cho đoàn chúng

tôi, người bác sĩ có một vài ý kiến.* Chỉ Hồng

nói chi sẽ đi cùng tôi ra ngoài. Chỉ đất tôi bằng

tay, bằng phần còn lại của cánh tay, và chúng tôi

đi ra ngoài. “Đừng quên chúng tôi,” chi ấy nói.

“Khi bạn sang bên đó, hãy luôn nghĩ tới những

người mẹ Việt Nam.”

Ngày tiếp theo, căn bộ Hội CTĐ, trong thời

gian tôi ở đó họ rất bàn rôn với tôi và cả với

nhưng vị khách và các cuộc họp khác; muốn dẫn

tôi thỉnh thoảng đi tham các khu vực xung

quanh. Khi họ hỏi tôi muốn làm gì, tôi nói rằng

nếu có thể và không gây phiền toái, tôi muốn

quay lại nhà chỉ Hồng để xem nếu chi ấy có thể

của một trung tâm thương mại còn có đất một

mấy bán bông ngô tự động, một cửa hiệu bán

kem, và một màn hình tự động – tất cả đều đang

ngạc nhiên, trái ngược hoàn toàn với các gia đình

đơn sơ và đôi khi là khôn khéo và đáng thương mà

chúng tôi đã tham trong tuần trước. Chúng tôi

lang thang như những người dò sống dở chết qua

những đồng hàng hoá giá dùng và những gian

bên với những sản phẩm áo khoác ngắn vô ích;

tam hơn của chúng tôi ở đầu đó. Khi nhìn hai

hộp quỳen gốp, cả hai đều cho Hội CTĐ, linh

hơn của chúng tôi được hỏi sinh. Một hộp được

danh đầu cho câu trả lời thiên tai nơi chúng, và hộp

khác dành cho màn nhân chất độc da cam. Trong

cả hai đều có những món tiền nhỏ, được một nửa

hộp. Chủ tịch Hội CTĐ nhiệt tình giải thích đó là

một ý tưởng mới. Bà nói, nơi chúng các hộp thu

được tiền dù để một tháng xây dựng được một

ngôi nhà cho người vô gia cư.

Khi chúng tôi trở lại nhà chỉ Hồng, chi nhiệt

ình chào đón chúng tôi và hoan nghênh đề nghị

mua món với sự bối rối và cả nụ cười. Nhưng thứ

chưa hoàn thiện thành hình vuông? Nhưng nếu

tôi muốn, chi ấy cũng vui vẻ đề chúng cho tôi;

không vấn đề gì. Tôi giải thích rằng tôi muốn

những thứ ấy để đưa cho một người như là một

cách viết nên những câu chuyện chi đã kể cho tôi

một cách cụ thể hơn, hiện hữu hơn cho những

người ở rất xa. Lúc đầu chi đã kháng kháng đưa

cho chúng tôi, nhưng cuối cùng đã vui vẻ nhận

tiền tôi gửi nhanh vào tay chi.

“Voi công việc của chi,” tôi nhân xét, “chi

giúp mọi người được ấm áp và rào nên cái đẹp.”

“Vâng,” chi nói, “Tôi thích tạo những cái đẹp

– tất cả phụ nữ thích đẹp, tất nhiên rồi! Thỉnh

thoảng tôi may áo dài. Mọi người xung quanh

đây biết tôi, và họ đến để dài hàng. Họ hỏi tham

đến người phụ nữ bị cụt tay.” Chi cười và lắc

đầu, nháy mắt.

Chi ấy muốn làm cho tôi một cái gói để moi

khi đi ngủ “bên đó” tôi sẽ nhớ người em gái của

chị nhé,” chi nhắc tôi. “Hãy nhớ có một người

ngoài, dù đưa cánh tay tôi và cười. “Nhớ em gái

chị nhé,” chi nhắc tôi. “Hãy nhớ có một người

se không nhận qua đó.”

“Người đàn ở đây có thể

si đáp lại không ngần ngại.”

“Người bác

mang theo, như là qua tầng từ Hội CTĐ. Người bác

hỏi làm thế nào để tặng những món quà nhỏ tôi đã

“Khi chúng tôi giới thiệu về các chuyện tham, tôi đã

nhận.”

tham; và điều thứ hai là hạn gán lại một trường từ

lành vết thương của người chúng ta đến

phải làm nhưng chúng ta không thể làm. Mọi là làm

người bác sĩ này đã nhân xét: “Có hai điều chúng ta

? Ngay lúc đầu các chuyện tham gia đình ở Đông Nai,

phụ nữ như thế này, với tất cả những câu chuyện này, và một tay bị mất trong chiến tranh. Nhưng cũng nhớ là người phụ nữ đó rất yêu thương con người, cô ấy yêu tổ quốc mình, cô ấy yêu cuộc sống.”

Kết luận

Những từ đó đúng là những từ cuối cùng của phỏng vấn cuối cùng của tôi và tạo nên một ấn tượng sâu đậm cho tôi. Nhưng câu chuyện của chị Hồng không phải là đại diện; và cũng không phải là duy nhất. Đó là một đoạn.

Những người phụ nữ khác đã kể những câu chuyện khác. Trong khi một số phụ nữ đã nói đầy kiên định và tinh thần vui vẻ như chị Hồng, những người khác lại nói trong nước mắt. Tôi đã nghe rất nhiều chuyện về những công việc hàng ngày chăm sóc các con, nhiều người con giờ đây đã hơn 20 tuổi và 30 tuổi: các câu chuyện về việc nhai cơm/thức ăn cho con, những đứa con chỉ có thể nuốt một cách khó khăn, các câu chuyện chăm sóc vệ sinh cho con, vệ sinh phụ nữ cho con gái, tắm tã cho con, và sự khó khăn khi bế những đứa con lớn như vậy từ chỗ này đến chỗ khác vì những nhu cầu đó. Tôi cũng nghe nhiều chuyện về sự khó khăn để nuôi sống gia đình khi mà một trong những thành viên tạo thu nhập chính phải dành rất nhiều thời gian và sức lực cho những nhiệm vụ này. Tôi đã nghe những câu chuyện của một số phụ nữ là chỗ dựa duy nhất của gia đình họ, hoặc là chồng của họ cũng bị tàn tật, hoặc là đã chết. Nhiều phụ nữ đã nói trong sự mệt mỏi và nỗi lo sợ về những gì có thể xảy ra đối với con cái của mình khi sức lực của họ không còn nữa.

Một số phụ nữ đã nói với sự cố gắng để hiểu rõ những gì đã xảy ra với họ, tìm kiếm những lý giải bằng cách đi xem bói, thấy địa lý, người xem tướng và ông đồng bà cốt. Một người phụ nữ, một người làng đi cùng nói với tôi, đã tự trở thành bà cốt. Một người phụ nữ khác nói về niềm tin của bà vào khoa học, chỉ khoa học: người đó cũng nói, từ một giấc mơ đã chỉ dẫn cho bà đi lên miền núi tìm một người trồng thảo dược để lấy thuốc chữa trị cho chồng, sau khi bỏ điều trị

thuốc tây nhưng không khỏi. Bà ấy đã đi, tìm thuốc và ông ấy đã khỏi.

Tôi đã được kể về những người hàng xóm hào phóng và tốt bụng đến nhường nào. Một người phụ nữ kể cho tôi rằng có ai đó đã để lại trong nhà bà một túi gạo hay vài cái quần áo, hoặc những mảnh nhựa mà bà có thể nối vào để làm tấm chăn giường cho con gái 17 tuổi của mình nằm suốt ngày đêm. Người phụ nữ này cũng nói rằng bà không thể nuôi lợn, nuôi gà vì chúng có thể bị bắt trộm khi bà ở ngoài đồng. Tôi cũng được kể về những trẻ con hàng xóm, vào những dịp lễ hội, có thể đến đưa hai cậu bé không thể đi được đi ra ngoài chơi bằng xe bò. Tôi cũng được nghe về những đứa trẻ hàng xóm có thể chế nhạo một cô gái bị mù và thần kinh khi cô đi ra ngoài sân nhà.

Tôi đã gặp một người phụ nữ mà người chồng, sau bốn lần bà bị thai chết lưu, đã đổ lỗi do chính mình vì ảnh hưởng của chiến tranh và khuyên bà rời xa ông để có cuộc sống tốt hơn: bà ấy đã từ chối và sau này sinh ra cho ông hai người con trai dị tật, bây giờ đã hơn 20 tuổi. Tôi đã gặp một người lính trên đường mòn Hồ Chí Minh, người đã có hai lần sảy thai, hai đứa con đã chết sơ sinh và ba đứa con chậm phát triển và ngăn ngừa nghiêm trọng; bà đã gọi mình là may mắn vì đã lấy được chồng. Một người phụ nữ khác, bị các biến chứng đau đớn khi bà tiến hành triệt sản sau khi mang một thai nhi quái thai, một cậu con trai chậm phát triển (trí tuệ và cơ thể), và một cô gái động kinh, đã nói tất cả cho chồng bà, tất cả cho con bà, vì vậy bà đã cố gắng vượt qua những khó khăn. “Tình trạng thật khó khăn,” bà nói, “nhưng tôi vẫn phải chăm sóc chồng tôi và các con tôi. Tôi biết cuộc đời tôi được gắn chặt với ông ấy. Cả đời tôi gắn chặt với chồng và con tôi, “đời sông núi” cho đến hơi thở cuối cùng, và chỉ là do chiến tranh”.

* Những câu chuyện như vậy không dễ dàng phù hợp với những cách kể chuyện của những nhà nữ quyền phương Tây. Một phần giới thiệu về một số điểm khác biệt, xem các chương giới thiệu của Karen Turner và Phan Thanh Hào - *Phụ nữ thậm chí phải chiến đấu*.

Có những sự lặng im dài và hàng loạt lời nói. Tôi nhớ những biểu hiện sâu sắc, rất can đảm, kháng cự lại một số phận không công bằng, và con cái giận bùng lên đối với “chính phủ Mỹ cũ”. Từ “trách nhiệm” thường xuyên xuất hiện và từ “kiệt sức” cũng như vậy: nhiều phụ nữ nói về sự kiệt sức như thế nào sau 20 đến 30 năm chăm sóc những đứa con tàn tật và những người chồng không còn sức khoẻ sau chiến tranh. Họ đã hy vọng bây giờ có ai đó cùng gánh vác một phần trách nhiệm cho những hậu quả của chiến tranh. Một từ khác cũng thường xuyên hiện lên là “động viên”, được dịch trong từ điển là “motivate/thúc đẩy, mobilize/huy động/động viên, involve/để hết tâm trí vào, enlist/thanh thủ những nỗ lực”. Khi nó được dùng trong các cuộc trò chuyện tôi hiểu nó dường như cũng chứa đựng một số ý nghĩa của “động viên/encourage” hoặc “đánh nguồn động viên tinh thần”. Tôi cũng thường được kể về các đoàn thể khác nhau – Hội CTĐ, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đảng - đã đến để “động viên” các gia đình như thế nào, đôi khi có những món quà nhỏ, nhưng thường thường, đặc biệt trong nhiều năm thiếu thốn sau chiến tranh, chỉ là những thông tin về các kỹ thuật và chương trình mới để giúp các gia đình tăng sản xuất, hoặc đơn giản là hỗ trợ tinh thần và để họ biết rằng họ không bị lãng quên.¹⁰

¹⁰ Khi tôi nhận mạnh rằng mạng lưới các đoàn thể này dường như không để ai là không được biết đến, giáo sư Lê Cao Đài, khi đó là chủ tịch Quỹ Nạn nhân chất độc da cam của Hội CTĐ đã cảm ơn tôi. “Đây là điều mà rất ít người Mỹ hiểu được, thậm chí cho đến bây giờ”, ông ấy nói và giải thích: “Đó là một trong những hình thức xã hội Việt Nam rất khác biệt với xã hội phương Tây. Từ Đạo Phật chúng tôi học được cần phải chăm sóc lẫn nhau, quan tâm đến hàng xóm.” Sự kết hợp giữa tình yêu thương săn sóc và sự tổ chức là cách mà Việt Nam đã chiến thắng trong chiến tranh”, ông đã gợi ý: đó là một gợi ý tôi đã nghe hơn một lần. Tôi bắt đầu nghĩ nó như là “Chủ nghĩa cộng sản thiên phái”. Biên tập viên của tôi ở tạp chí Việt Nam News đã rất ngạc nhiên tôi tìm ra sự kết hợp có ý nghĩa này: “Không có sự mâu thuẫn,” anh ấy khẳng định với tôi.

*
*
*

Không bị lãng quên. Được truyền đạt, được kể lại, liên hệ. Được ghi lại lên những trang giấy, như chị Hồng đã ghi lại, “của lịch sử của tổ quốc chúng tôi, của thế hệ chúng tôi, của thế giới.” Những mẩu chuyện của chị Hồng, được tôi biên soạn lại ở đây thành một câu chuyện, là những mẩu chuyện cũng chưa là câu chuyện lớn hơn: những mẩu chuyện về sự tổn thương con người, trí nhớ con người có thu thập về chiến tranh và những hậu quả thảm khốc của nó đối với nhiều thế hệ, ở tất cả các phần của thế giới. Những câu chuyện của chị Hồng nhằm mục đích không như một kết luận, nhưng là một lời giới thiệu. Trích dẫn lại ý kiến của chị: “Bạn sẽ không bao giờ chịu đựng được tất cả những đau thương và mất mát mà người Việt Nam phải gánh chịu qua rất nhiều cuộc chiến tranh.”. Người Việt Nam, người Cambodia, người Lào, người Công gô, người Angiêri, người Iran, người Quốc, người Palestin, người Bosnia, người Serb, người Côlômbia, người Afghan, người Irắc: mặc dù danh sách này rất ngắn, chưa đầy đủ thì cũng là quá dài.

Chịu đựng là một phần của công việc phá vỡ sự im lặng, phá tan cái mà Pablo Richard gọi bức tường giữa kẻ giàu và người nghèo, một bức tường ép buộc người nghèo “chết trong sự im lặng của lịch sử”¹¹. Một phần khác của công việc

¹¹ Trích dẫn trong Farmer 1997, trang 280. “Can the subaltern speak?” (Những người cấp dưới có thể nói?) Gayatri Spivak 1998 phê bình thời kỳ hậu thực dân, nêu những câu hỏi trên một bài báo có cùng tên được đăng tái rộng rãi. Một cách cụ thể hơn, người phụ nữ cấp dưới có thể nói khi cô ta bị gán như như một đồ vật trong việc diễn thuyết về truyền thống và phát triển, Spivak tiếp tục hỏi. Học giả người Ấn Độ, Laurie Sears đáp lại trong *Shadows of Empire* (Bóng tối của đế chế), “Người cấp dưới đang luôn luôn nói”. “Vấn đề cho những nhà trí thức hậu thực dân – cho dù họ thừa hưởng vị trí chủ thể của kẻ thực dân hoặc người bị thực dân hoá - là cách lắng nghe người cấp dưới nói.” Một vấn đề khác đối với các nhà trí thức là cách họ nêu lên những tiếng nói ấy có thể được nghe thấy và được quan tâm một cách nghiêm túc từ những người ở nơi

là nhận biết về cơ chế con người, một quá trình đưa ra quyết định có tính người, khởi xướng việc sử dụng các chất hoá học ở Việt Nam, và kêu gọi trách nhiệm mang tính con người về những hậu quả của quá trình đó. Thay vì sự mơ hồ và tất cả những gì chưa biết, vẫn có rất nhiều điều đã được biết. Thừa nhận và có trách nhiệm với quá khứ sẽ giúp xoa tan được những ám ảnh về Việt Nam một cách hữu hiệu; sẽ đỡ tổn kém, đỡ thảm khốc cho cuộc sống hơn là gieo rắc sự chết chóc ở các nơi khác trên thế giới.

Tài liệu tham khảo

- Abu-Lughod, Lila. 1991. "Writing Against Culture." in Richard G. Fox, ed. *Recapturing Anthropology*. Santa Fe: School of American Research Press.
- Associated Press. Nov. 1, 1998. "Agent Orange reports withheld, altered, paper says": report on six-month study by San Diego Union-Tribune.
- Asad, Talal. 1986. "The Concept of Cultural Translation in British Social Anthropology" in James Clifford and George E. Marcus, *Writing Culture*. University of California Press.
- Birnbaum, Linda S. 2002. "Health and Environmental Effects of Dioxins" : paper prepared for presentation to the *Yale Vietnam Conference 2002: The Ecological and Health Effects of the Vietnam War*. New Haven, Ct. September 13-15.
- Bourdieu, Pierre. 1990. "Structures, *Habitus*, Practices" in *The Logic of Practice*. Stanford University Press.
- Buckingham, William A. Jr. 1982. *Operation Ranch Hand: The Air Force and Herbicides in Southeast Asia 1961-1971*. Washington, D.C.: Office of Air Force History, United States Air Force.
- Cecil, Paul Frederick. 1986. *Herbicide Warfare: the Ranch Hand Project in Viet Nam*. New York, London, Westport (Connecticut): Praeger.
- Committee for Concerned Asian Scholars. 1970. *The Indochina Story: A Fully Documented Account*. Pantheon.
- Dwernychuk, Wayne, Hoang Dinh Cau, et al. 2002. "Dioxin reservoirs in southern Viet Nam—A Legacy of Agent Orange". *Chemosphere* 47. 117-137.
- Erickson, J. David et al. 1984. *Vietnam Veterans' Risks for Fathering Children with Birth Defects*. Atlanta: U.S. Dept. of Health and Human Services (The Center for Environmental Health).
- Farmer, Paul. 1997. "On Suffering and Structural Violence: A View from Below." in Kleinman et al. *Social Suffering*. University of California Press.
- Foucault, Michel. 1970. "The Order of Discourse" Inaugural lecture at the *College de France*.
- Gordon, Avery F. 1997. *Ghostly Matters: Haunting and the Sociological Imagination*. Minneapolis and London: University of Minnesota Press.
- Harnly, Caroline D. 1988. *Agent Orange and Vietnam: An Annotated Bibliography*. Meutchen NJ and London: Scarecrow Press.
- Hatfield Group website: www.hatfieldgroup.com
- Institute of Medicine. 1999. *Veterans and Agent Orange: Update 1998*. Washington, D.C.: National Academy Press.
- Keyes, Charles F. 2002. Abstract for "Abortions, Agent Orange, and AIDS: Social Suffering in Vietnam and Thailand." Panel presentation at annual conference for the Association of Asian Studies, Washington, D.C.
- Kleinman, Arthur. 1988. *The Illness Narratives*. Basic Books.
- _____. Veena Das and Margaret Lock. 1997. *Social Suffering*. University of California Press.
- Latour, Bruno. 1999. *Pandora's Hope: Essays on the Reality of Science Studies*. Cambridge, Ma., and London: Harvard University Press.

- Le Cao Dai. 2000. *Agent Orange in the Viet Nam War, History and Consequences*. Hanoi: Vietnam Red Cross Society.
- _____. 2000, 2001. personal communication.
- Lewy, Guenter. 1978. *America in Vietnam*. New York: Oxford University Press.
- Marr, David. 1987. "Vietnamese Attitudes Regarding Illness and Healing," in Norman G. Owen, *Death and Disease in Southeast Asia*. Singapore: Oxford University Press. (Asian Studies Association of Australia)
- Minh Chuyên. 1997. *Di họa chiến tranh*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
- Morris, David B. 1997. "About Suffering: Voice, Genre, and Moral Community," in Kleinman et al. *Social Suffering*. University of California Press.
- Neilands, J.B., Gordon H. Orians, E.W. Pfeiffer, Alje Vennema, Arthur H. Westing. 1972. *Harvest of Death: Chemical Warfare in Vietnam and Cambodia*. New York: The Free Press; London: Collier-Macmillan Limited.
- Ong, Aihwa. 1995. "Women out of China: Traveling Tales and Traveling Theories in Postcolonial Feminism," in Ruth Behar and Deborah A Gordon, eds. *Women Writing Culture*. University of California Press.
- Orians, G.H., and Pfeiffer, E.W. 1970. "Ecological Effects of the War in Vietnam." *Science*, Washington, 168:544-554.
- Schechter, Arnold, ed. 1994. *Dioxins and Health*. New York and London: Plenum Press.
- _____, with Le Cao Dai, Olaf Papke, Joelle Prange, John D. Constable, Muneaki Matsuda, Vu Duc Thao, and Amanda Piskac. 2001. "Recent Dioxin Contamination From Agent Orange in Residents of a Southern Vietnam City." *Journal of Occupational Environmental Medicine*, vol. 43 no. 5:435-443, May 2001.
- Sears, Laurie J. 1996. *Shadows of Empire*. Durham and London: Duke University Press.
- Spivak, Gayatri Chakravorty. 1988. "Can the Subaltern Speak?" in Cary Nelson and Lawrence Grossberg, eds. *Marxism and the Interpretation of Culture*. University of Illinois Press.
- Stellman, Jeanne Mager, and Steven D. Stellman, Richard Christian, Trance Weber, Carrie Tomasallo. 2003 "The extent and patterns of usage of Agent Orange and other herbicides in Vietnam", in *Nature* 422: 681-687. April 17, 2003.
- Stewart, Kathleen. 1996. *A Space on the Side of the Road: Cultural Poetics in an 'Other' America*. Princeton: Princeton University Press.
- Trần Văn Thuỷ. 1996. *Chuyện từ góc công viên (Story from the Corner of a Park)* Hà Nội (film)
- Trinh T. Minh Ha. 1989. *Woman, Native, Other: Writing Postcoloniality and Feminism*. Bloomington: Indiana University Press.
- Turner, Karen Gottschang, with Phan Thanh HaĐo. 1998. *Even the Women Must Fight*. John Wiley and Sons.
- Visweswaran, Kamala. 1994. *Fictions of Feminist Ethnography*. Minneapolis: University of Minnesota Press.
- Vo Quy. 1992. "The Wounds of War: Viet Nam struggles to erase the scars of 30 violent years." *Ceres (the FAO Review)*, 24:13-16. (March/April).
- Webster, Thomas, and Barry Commoner. 1994. "Overview", in *Dioxins and Health*. Arnold Schechter, ed. New York and London: Plenum Press.
- Westing, Arthur H., ed. 1984. *Herbicides in War: the Long-term Ecological and Human Consequences*. London and Philadelphia: Taylor & Francis. (Stockholm International Peace Research Institute).
- Young, A.L. and G.M. Reggiani. 1988. *Agent Orange and its associated dioxin: assessment of a controversy*. Amsterdam, New York, Oxford: Elsevier.
- (Reprinted by permission from *Le Vietnam au Féminin*. Gisele Bousquet and Nora Taylor, eds. Paris: *Les Indes Savantes*. 2005).